

Số: 22 /2018/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 20 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 231/2017/QĐ-UBND ngày 02/2/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về cơ chế hỗ trợ lãi suất vay và cơ chế trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 26 tháng 5 năm 2015.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008.

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Căn cứ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày ngày 7 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải.

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về nhiệm vụ, giải pháp phát triển vận



tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2012 - 2016, định hướng đến 2020.

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 78/TTr- GTVT ngày 25/6/2018, Báo cáo thẩm định số 33/BCTĐ-STP ngày 19/6/2018 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 231/2017/QĐ-UBND ngày 02/2/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về cơ chế hỗ trợ lãi suất vay và cơ chế trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

1. Sửa đổi Điều 2 như sau:

“1. Cơ chế hỗ trợ lãi suất vay áp dụng cho các doanh nghiệp, hợp tác xã cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố đầu tư mua sắm mới phương tiện trên các tuyến trong Quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Cơ chế trợ giá áp dụng cho các doanh nghiệp, hợp tác xã được Ủy ban nhân dân thành phố đặt hàng cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố.”

2. Sửa đổi tên Điều 5 như sau:

“Điều 5. Phương thức trợ giá và cách xác định kinh phí trợ giá”

3. Bãi bỏ Điều 6, 7.

4. Sửa đổi Điều 8 như sau:

“Điều 8. Quy định giá vé các tuyến xe buýt được trợ giá từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng

1. Đối với tuyến có cự ly dưới 15 km:

a) Giá vé lượt đồng hạng: 8.000 đồng/vé/lượt.

b) Giá vé tháng: 200.000 đồng/vé/tháng.

2. Đối với tuyến có cự ly từ 15 km đến dưới 25 km:

a) Giá vé lượt đồng hạng: 12.000 đồng/vé/lượt.

b) Giá vé tháng: 200.000 đồng/vé/tháng.

3. Đối với tuyến có cự ly từ 25 km đến 35 km:

a) Giá vé lượt đồng hạng: 13.000 đồng/vé/lượt.

b) Giá vé tháng: 250.000 đồng/vé/tháng.

4. Đối với tuyến có cự ly trên 35 km:

a) Giá vé lượt đồng hạng: 15.000 đồng/vé/lượt.

b) Giá vé tháng: 300.000 đồng/vé/tháng.”

5. Sửa đổi Điểm b, c, d Khoản 1 Điều 10 như sau:

a. Sửa đổi Điểm b Khoản 1 Điều 10 như sau:

“b) Kiểm tra, giám sát hoạt động của các phương tiện được đầu tư mới phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng trên địa bàn thành phố. Chỉ đạo các doanh nghiệp vận tải; các doanh nghiệp quản lý và khai thác bến xe căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được giao tổ chức khai thác tuyến, quản lý và điều hành hoạt động của các tuyến xe buýt nhằm bảo đảm hiệu quả kinh doanh, giảm dần tiền trợ giá cho ngân sách nhà nước của từng tuyến.”

b. Sửa đổi Điểm c Khoản 1 Điều 10 như sau:

“c) Hàng năm, xây dựng kế hoạch kinh phí trợ giá gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng Sở Tài chính thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.”

c. Sửa đổi Điểm d Khoản 1 Điều 10 như sau:

“d) Thực hiện công tác quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt gồm:

- Quản lý các nguồn vốn trợ giá và các nguồn vốn ngân sách hỗ trợ cho lĩnh vực vận tải hành khách công cộng.

- Xây dựng kế hoạch và biểu đồ các tuyến vận tải hành khách công cộng theo từng tháng, quý, năm. Căn cứ vào nhu cầu đi lại của nhân dân để đề xuất phê duyệt công bố tuyến, thay đổi tuyến, lộ trình hoạt động của xe buýt.

- Tổ chức ký kết hợp đồng kinh tế, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán với các doanh nghiệp, hợp tác xã được Ủy ban nhân dân thành phố đặt hàng cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát các đơn vị hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt về việc chấp hành các quy định, quy chế trong lĩnh vực vận tải hành khách công cộng do Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Giao thông vận tải ban hành.”

6. Bổ sung trách nhiệm của Sở Tài chính quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 10 như sau:

“- Chủ trì thẩm định quyết toán kinh phí trợ giá xe buýt làm cơ sở để Sở Giao thông vận tải thanh toán cho các đơn vị.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã các thủ tục cần thiết để được hưởng cơ chế trợ giá, cơ chế hỗ trợ lãi suất vay của thành phố theo quy định.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/9/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hải Phòng; Cục trưởng Cục thuế Hải Phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: GTVT, TC;
- Cục Kiểm tra VB QPPL-BTP;
- TT Thành ủy; TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP;
- Như Điều 3;
- Sở TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Đài PTTH HP, Báo HP, Công TTĐT TP;
- Công báo TP;
- Các Phòng CV;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Bình